TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 109/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 7 – 2020
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân.

2. Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Thanh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 515/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Bình D; Địa chỉ: ấp X, xã Đ, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trương Cẩm T; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, anh Lê Bình D và chị Trương Cẩm T chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2019 giữa anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân theo anh D trình bày là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống không hòa hợp, vợ chồng thường hay cải vã với nhau, hiện anh với chị T đã sống ly thân khoảng 01 năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tại toà, anh D xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung, anh D khai có 01 người con là Lê Huỳnh Anh, sinh ngày 28/9/2016, hiện con đang chung sống với anh. Khi ly hôn, anh D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, anh D khai không có.

Đối với chị Trương Cẩm T, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng chị không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh D nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, chị Trương Cẩm T đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân, anh D và chị T chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên toà, anh D khai nhận mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau và mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng nên anh không thể tiếp tục chung sống với chị T được, hiện anh cũng không còn tình cảm với chị T. Trường hợp Toà án giải quyết không cho anh ly hôn, anh cũng không chung sống với chị T. Riêng chị T tuy đã được triệu tập hợp lệ, song chị vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, chị T không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của anh D. Cho nên, lời trình bày của anh D về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân là đúng.

Với mâu thuẫn anh D trình bày nêu trên, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh D về hôn nhân được chấp nhận.

[3] Về con chung là Lê Huỳnh Anh, sinh ngày 28/9/2016. Hiện con đang chung sống với anh D nên khi ly hôn, anh D yêu cầu được nuôi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặc dù, chị T đã được triệu tập hợp lệ và biết được nội dung yêu cầu của anh D nhưng chị không đến và cũng không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét. Cho nên, chưa có căn cứ để xác định việc giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Đối với việc cấp dưỡng, tuy Toà án có giải thích cho anh D biết việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con nhưng anh D cho rằng anh có đủ điều kiện, khả năng để nuôi dưỡng con – đây là ý chí tự nguyện của anh D nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do đó, yêu cầu của anh D về con được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, anh D khai không có nên không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của anh Lê Bình D về việc xin ly hôn chị Trương Cẩm T.

- Về con chung là Lê Huỳnh Anh, sinh ngày 28/9/2016. Hiện con đang chung sống với anh Lê Bình D, tiếp tục giao cho anh D nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Cẩm T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, anh Lê Bình D khai không có nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Lê Bình D phải chịu số tiền là 300.000đ. Ngày 12/5/2020, anh D đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001791 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND xã Đ,
TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.